

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Tài L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình ngày 05-5-2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong việc tính toán làm ăn và trong sinh hoạt hằng ngày, anh T tính tình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến đánh nhau một lần, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, hiện chị và anh T đã không còn chung sống với nhau nữa. Chị L xét thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một người con là Trần Thị Trang Nh, sinh ngày 31/5/2016, hiện chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị và anh T có nợ tổng số T 34.000.000 đồng, cụ thể như sau: Nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình số T 12.044.384 đồng (tính đến ngày 21-3-2019), nợ anh Phạm Hoàng R số tiền 2.000.000 đồng, nợ chị Trúc L số tiền 2.000.000 đồng, nợ chị Mộng L số tiền 2.000.000 đồng, nợ bà C số tiền 6.000.000 đồng, nợ bà T số tiền 10.000.000 đồng. Các khoản nợ nói trên chị yêu cầu phân chia nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho anh T, anh R, chị Trúc L, chị Mộng L, bà C, bà T nhưng các đương sự này không có ý kiến.

Đại diện ngân hàng C trình bày:

Hộ gia đình chị Phạm Tài L và anh Trần Văn T đang vay vốn thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, số tiền vốn là 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 21-3-2019 là 44.384 đồng, cam kết trả lãi hàng tháng, trả nợ gốc khi đến hạn phân kỳ. Khoản vay trên tuy chưa đến hạn thanh toán nhưng hiện nay chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T nên buộc phải thu hồi nợ trước hạn nhằm tránh thất thoát nguồn vốn nhà nước.

Vì vậy, đại diện ngân hàng C yêu cầu anh T, chị L thanh toán dứt điểm T vốn, lãi nói trên và lãi phát sinh đến khi trả hết khoản nợ cho ngân hàng C.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của chị L về hôn nhân, về con chung và cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận, về tài sản tự thỏa thuận các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về nợ chung chị L và anh T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình, các khoản nợ còn lại do không có yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị L, anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị L, anh T, anh R, chị Trúc L, chị Mộng L, bà C, bà T, Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, chị L và Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn anh T, anh R, chị Trúc L, chị Mộng L, bà C, bà T vắng không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do thiếu sự tôn trọng, thông cảm cho nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn sống không hạnh phúc nên chị L và anh T đã ly thân với nhau, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Điều đó, cho thấy hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh T.

[2] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh. Xét thấy, cháu Nh hiện đang sống ổn định cùng với chị L, nếu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng đến tâm tư, tình cảm của cháu, hơn nữa cháu là nữ giới sau

này cháu lớn rất cần sự chăm sóc của người mẹ còn anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L. Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nhã mỗi tháng 695.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 30-5-2019 đến khi cháu Nhã đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

[3] Tài sản chung: Chị L và anh T tự thỏa thuận, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Ngân hàng V có yêu cầu chị L và anh T thanh toán tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/3/2019 là 12.044.384 đồng, trong đó tiền vốn là 12.000.000 đồng, lãi là 44.384 đồng. Theo hồ sơ thể hiện khoản vay nói trên là do anh T và chị L trực tiếp vay. Vì vậy, anh T và chị L mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng V số tiền tính đến ngày 21/3/2019 là 6.022.192 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Đối với anh R, chị Trúc L, chị Mộng L, bà C, bà T không có yêu cầu độc lập tại vụ án nên không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và số tiền 301.000 đồng án phí thanh toán nợ cho ngân hàng V, do chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng nên được đối trừ chị L phải nộp tiếp số tiền là 301.000 đồng; anh T phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và số tiền 301.000 đồng án phí thanh toán nợ cho ngân hàng V.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Tài L, anh Trần Văn T, anh Phạm Hoàng R, chị Phạm Trúc L, chị Phạm Mộng L, bà Nguyễn Kim C, bà Trương Thanh T, ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Tài L và anh Trần Văn T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Thị Trang Nh, sinh ngày 31-5-2016 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30-5-2019) đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về nợ chung: Buộc chị Phạm Tài L và anh Trần Văn T mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng C số tiền tính đến ngày 21/3/2019 là 6.022.192 đồng (sáu triệu không trăm hai mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng) và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu số tiền 601.000 đồng (sáu trăm lẻ một nghìn đồng). Ngày 08-3-2019 chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006013 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chị L phải nộp tiếp số tiền 301.000 đồng (ba trăm lẻ một nghìn đồng).

Anh T phải chịu số tiền 601.000 đồng (sáu trăm lẻ một nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị L, anh T, anh R, chị Trúc L, chị Mộng L, bà C, bà T, Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Thới Bình được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Võ Quốc Văn